**3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | **Đạt** | **Không đạt** |
| **1** | **Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ** | | |
| **1.1** | Nhà thầu phải kê khai đầy đủ danh mục hàng hóa chào thầu, nêu rõ hàng hóa do nhà thầu tự sản xuất hoặc không phải do nhà thầu sản xuất; kèm thông tin về thông số kỹ thuật, nhãn hiệu, hãng sản xuất, mã hiệu/model nếu có, nguồn gốc, xuất xứ.<br>Nhà thầu phải cung cấp catalog/tài liệu kỹ thuật/tài liệu hợp lệ khác để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V và hồ sơ thiết kế đính kèm E-HSMT. | Kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu; có tài liệu chứng minh hợp lệ; tất cả hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. | Không kê khai đầy đủ; hoặc kê khai nhưng thiếu thông tin; hoặc không có tài liệu chứng minh hợp lệ; hoặc tài liệu không phù hợp với hàng hóa chào thầu; hoặc có một trong số hàng hóa không đáp ứng/không chứng minh được đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. |
| 1.2 | Nhà thầu phải có văn bản cam kết của nhà thầu, bao gồm đầy đủ các nội dung dưới đây: | Có đầy đủ các văn bản cam kết hợp lệ của nhà thầu: cam kết đúng nội dung và được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải đính kèm văn bản ủy quyền) | Thiếu một trong các văn bản cam kết; hoặc có cam kết nhưng không hợp lệ: cam kết không đúng nội dung, hoặc không được người đại diện pháp luật của Nhà thầu, hoặc người đại diện liên danh, hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký nhưng không đính kèm văn bản ủy quyền trong E-HSDT) |
| | - Cam kết các hàng hoá mới 100% chưa qua sử dụng, năm sản xuất đáp ứng chi tiết tại Chương V của E-HSMT, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai nguyên kiện (nếu được đóng gói). | | |
| | - Cam kết khi thực hiện bàn giao hàng hóa phải cung cấp Giấy chứng nhận/ xuất xưởng và làm thủ tục bảo hành theo đúng quy định đối với hàng hóa sản xuất trong nước. | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | - Cam kết khi thực hiện bàn giao hàng hóa phải cung cấp các giấy tờ chứng minh xác nhận hợp pháp về xuất xứ của hàng hóa, các phụ kiện đi kèm (nếu có) (C/O, C/Q, packing list…), và làm thủ tục bảo hành theo đúng quy định đối với hàng hóa nhập khẩu. | | |
| **1.3** | **Bản vẽ chi tiết liên kết cấu kiện của hàng hoá (Phần nội thất):** | | |
| | Cam kết cung cấp bản vẽ chi tiết liên kết các cấu kiện cho các chủng loại hàng hóa được nêu tại Bảng số 03 Chương V, E-HSMT. | Có đầy đủ các văn bản cam kết hợp lệ của nhà thầu: cam kết đúng nội dung và được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải đính kèm văn bản ủy quyền) | Thiếu một trong các văn bản cam kết; hoặc có cam kết nhưng không hợp lệ: cam kết không đúng nội dung, hoặc không được người đại diện pháp luật của Nhà thầu, hoặc người đại diện liên danh, hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký nhưng không đính kèm văn bản ủy quyền trong E-HSDT) |
| **1.4** | **Hình ảnh 3D của hàng hoá (Phần nội thất):** | | |
| | Cam kết cung cấp hình ảnh 3D cho các chủng loại hàng hóa nội thất gia công | Có đầy đủ các văn bản cam kết hợp lệ của nhà thầu: cam kết đúng nội dung và được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải đính kèm văn bản ủy quyền) | Thiếu một trong các văn bản cam kết; hoặc có cam kết nhưng không hợp lệ: cam kết không đúng nội dung, hoặc không được người đại diện pháp luật của Nhà thầu, hoặc người đại diện liên danh, hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký nhưng không đính kèm văn bản ủy quyền trong E-HSDT) |

| | | | |
|---|---|---|---|
| * | *Kết luận* | *Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt* | *Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt* |
| **2** | **Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;** | | |
| **2.1** | **Thuyết minh công tác chuẩn bị trước khi tiến hành thực hiện:** | | |
| | - Đối với hàng hóa mua sẵn | Có sơ đồ và thuyết minh quy trình từ khi đặt hàng đến khi tiếp nhận, vận chuyển, bốc xếp, phân loại, bảo quản, đến khi giao nghiệm thu đến nơi lắp đặt đảm bảo sự hợp lý, khả thi, phù hợp tiến độ, đảm bảo được chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình đến khi được nghiệm thu bàn giao sử dụng | Không có sơ đồ; hoặc không thuyết minh quy trình từ khi đặt hàng đến khi tiếp nhận, vận chuyển, bốc xếp, phân loại, bảo quản, đến khi giao nghiệm thu đến nơi lắp đặt đảm bảo; Hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, hoặc không phù hợp tiến độ, không đảm bảo được chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình đến khi được nghiệm thu bàn giao sử dụng. |
| | - Đối với hàng hóa do nhà thầu sản xuất | Có sơ đồ và thuyết minh quy trình sản xuất đến khi đóng gói, phân loại, bốc xếp, vận chuyển, bảo quản, đến khi giao đến nơi lắp đặt đảm bảo sự hợp lý, khả thi, phù hợp nguồn lực của Nhà thầu, phù hợp tiến độ, đảm bảo được chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình đến khi được nghiệm thu bàn giao sử dụng | Không có sơ đồ; hoặc không có thuyết minh quy trình sản xuất đến khi đóng gói, phân loại, bốc xếp, vận chuyển, bảo quản, đến khi giao đến nơi lắp đặt; hoặc có sơ đồ, có thuyết minh nhưng thiếu rõ ràng, hoặc không đảm bảo sự hợp lý, hoặc không khả thi hoặc không phù hợp nguồn lực của Nhà thầu, hoặc không phù hợp tiến độ, hoặc không đảm bảo được chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình đến khi được nghiệm thu bàn giao sử dụng |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **2.2** | **Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt cho từng hàng hóa** | | |
| 2.2.1 | Giải pháp kỹ thuật tổ chức cung cấp và lắp đặt cho toàn bộ công việc trong hợp đồng: Thuyết minh giải pháp tổ chức hợp lý, phù hợp đối với mối liên quan kỹ thuật giữa các công việc, hợp lý với khối lượng công việc, phù hợp với biểu đồ tiến độ | Có thuyết minh giải pháp tổ chức hợp lý, phù hợp đối với mối liên quan kỹ thuật giữa các công việc, hợp lý với khối lượng công việc, phù hợp với biểu đồ tiến độ | Không trình bày hoặc trình bày nhưng không hợp lý, không khả thi, không rõ ràng |
| 2.2.2 | Biện pháp kỹ thuật gia công (nếu có) lắp đặt cho các hàng hoá sau đây: | | |
| | - Tủ Rack, Switch, Camera, máy tính | Có đầy đủ thuyết minh biện pháp kỹ thuật lắp đặt cho từng hàng hóa tại vị trí lắp đặt theo thiết kế: trình bày đầy đủ, hợp lý, đáp ứng kỹ thuật, đảm bảo chất lượng | Không có thuyết minh; hoặc có thuyết minh biện pháp kỹ thuật lắp đặt cho từng hàng hóa tại vị trí lắp đặt theo thiết kế nhưng trình bày không đầy đủ, không hợp lý, hoặc không đáp ứng kỹ thuật, không đảm bảo được kiểm soát chất lượng |
| | - Hệ Tủ | | |
| | - Bàn học viên/nhân viên | | |
| **2.3** | **Quy trình quản lý lắp đặt (Thuyết minh thể hiện hợp lý, khả thi theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật)** | | |
| 2.3.1 | Quy trình và lưu đồ quản lý, kiểm soát, đo lường, bảo quản vật tư, vật liệu, hàng hóa | Đầy đủ rõ ràng, hợp lý | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ, không đúng nội dung hoặc không hợp lý |
| 2.3.2 | Quy trình và lưu đồ Hệ thống quản lý chất lượng lắp đặt | Đầy đủ rõ ràng, hợp lý | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ, không đúng nội dung hoặc không hợp lý |
| **2.4** | **Các biện pháp bảo đảm chất lượng** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **2.4.1** | Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác gia công, lắp đặt. | Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác gia công, lắp đặt hợp lý, phù hợp tính chất gói thầu | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác gia công, lắp đặt; Hoặc biện pháp đảm bảo chất lượng không hợp lý hoặc không phù hợp tính chất gói thầu |
| **2.4.2** | Biện pháp đóng gói, vận chuyển hàng hoá nhằm đảm bảo chất lượng hàng hoá khi vận chuyển đến công trình | Biện pháp bảo đảm chất lượng phù hợp theo yêu cầu của gói thầu | Không nêu biện pháp bảo đảm chất lượng; hoặc có nêu nhưng không phù hợp tính chất của gói thầu |
| **2.4.3** | Biện pháp bảo đảm chất lượng trong công tác lắp đặt hàng hoá | Biện pháp bảo đảm chất lượng phù hợp theo yêu cầu của gói thầu | Không nêu biện pháp bảo đảm chất lượng; hoặc có nêu nhưng không phù hợp tính chất của gói thầu |
| * | *Kết luận* | *Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt* | *Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt* |
| **3** | **Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì** | | |
| **3.1** | Thời gian bảo hành tối thiểu theo phần 2 chương V. Nhà thầu phải liệt kê chi tiết bảo hàng từng loại hàng hóa theo quy định tại phần 2 Chương V của E-HSMT | Có Cam kết thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng theo phần 2 chương V của E-HSMT | Có Cam kết thời gian bảo hành nhỏ hơn theo phần 2 chương V của E-HSMT. Hoặc không có cam kết . |
| **3.2** | Sơ đồ và thuyết minh quy trình bảo hành | Sơ đồ và thuyết minh trách nhiệm rõ ràng hợp lý và cam kết tiếp nhận xử lý các vấn đề về bảo hành trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư thông báo | Sơ đồ và thuyết minh trách nhiệm thiếu rõ ràng, thiếu hợp lý; hoặc không có sơ đồ; hoặc không thuyết minh; hoặc không có cam kết tiếp nhận xử lý các vấn đề về bảo hành trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư thông báo |

| | | | |
|---|---|---|---|
| * | *Kết luận* | *Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt* | *Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt* |
| **4** | **Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động** | | |
| **4.1** | Vệ sinh môi trường tại công trình | Thuyết minh biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt tại công trình hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức gia công, lắp đặt và phù hợp với tính chất gói thầu | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt tại công trình; hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt tại công trình nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công |
| **4.2** | An toàn lao động Phòng cháy, chữa cháy tại công trình | Biện pháp an toàn lao động và biện pháp phòng cháy, chữa cháy tại công trình hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức gia công, lắp đặt phù hợp với tính chất gói thầu | Không thuyết minh biện pháp an toàn lao động; hoặc biện pháp phòng cháy, chữa cháy tại công trình; Hoặc có thuyết minh nhưng không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức gia công, lắp đặt hoặc không phù hợp với tính chất gói thầu |
| **4.3** | Biện pháp an ninh tại công trình | Có Biện pháp đảm bảo an ninh khi lắp đặt tại công trình hợp lý, khả thi và phù hợp điều kiện hiện trạng gói thầu | Không có Biện pháp đảm bảo an ninh khi lắp đặt tại công trình; hoặc có nhưng không hợp lý, hoặc không khả thi hoặc không phù hợp điều kiện hiện trạng gói thầu |
| * | *Kết luận* | *Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt* | *Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt* |
| **5** | **Tiến độ cung cấp, lắp đặt hàng hóa** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **5.1** | Thời gian: đảm bảo thời gian cung cấp, lắp đặt hàng hóa không quá 20 ngày (kể cả ngày nghỉ, lễ, tết) | Thời gian thực hiện không vượt quá 20 ngày. | Thời gian thực hiện vượt quá 20 ngày. |
| **5.2** | Bản vẽ tiến độ sơ đồ ngang với trục thời gian đơn vị là 1 ngày hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp và biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt toàn bộ hàng hóa | Có bản vẽ tiến độ sơ đồ ngang thể hiện đầy đủ cung cấp, gia công, lắp đặt tất cả các hàng hóa có trong danh mục mời thầu từ khâu đặt hàng, sản xuất, cung ứng, giao nhận, lắp đặt đến nghiệm thu bàn giao hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp và biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | Không có bản vẽ tiến độ sơ đồ ngang; Hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ cung cấp, gia công, lắp đặt tất cả các hàng hóa có trong danh mục mời thầu từ khâu đặt hàng, sản xuất, cung ứng, giao nhận, lắp đặt đến nghiệm thu bàn giao; Hoặc có đầy đủ nhưng không hợp lý, không khả thi hoặc không với giải pháp và biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hoặc biểu tiến độ trục thời gian lớn hơn 1 ngày |
| **5.3** | Biện pháp bảo đảm Tiến độ hợp đồng hợp lý Khả thi | Có thuyết minh biện pháp đảm bảo tiến độ hợp đồng hợp lý khả thi, mô tả được nhận diện rủi ro và có biện pháp phòng tránh rủi ro trong tất cả các khâu thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ | Không có thuyết minh biện pháp đảm bảo tiến độ hợp đồng; Hoặc có nhưng không hợp lý khả thi hoặc không phù hợp gói thầu hoặc không mô tả nhận diện rủi ro hoặc không có biện pháp phòng tránh rủi ro trong tất cả các khâu thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ |
| * | *Kết luận* | *Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt* | *Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt* |
| **6** | **Thông tin của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó** | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) | Nhà thầu không vi phạm các Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng | Nhà thầu vi phạm các Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng |
| **7** | **KẾT LUẬN** | | |
| | **Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 được đánh giá là đạt. Trường hợp Nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo./.** | | |

*Lưu ý: nhà thầu phải trung thực khi kê khai tính đáp ứng, bất cứ nội dung cố tình kê khai sai lệch so với các tính năng, thông số, tiêu chuẩn công bố của nhà sản xuất để nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là* ***hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.***